

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé

Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 42/2020/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Định H, xã LTh, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh **Trần Văn Ng**, sinh năm 1975 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Ấp Định H, xã LTh, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2020, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Vào ngày 30/11/2010, chị và anh Trần Văn Ng xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LTh, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 31/5/2016, hiện con chung đang sống chung với chị T.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do anh Ng có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm lo lắng cho gia đình vợ con, nên anh chị sống ly thân với nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay.

Nay, chị Nguyễn Thị T yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Trần Văn Ng.

Về tài sản: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Minh H, không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn: Anh Trần Văn Ng vắng mặt không có lý do, nên không có lời trình bày tại hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Trần Văn Ng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh Ng.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn Ng xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LTh, huyện TC, tỉnh Trà Vinh theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Sau kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, hạnh phúc của anh chị không bền vững là do anh Ng có quan hệ với người phụ nữ khác, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình vợ con, không còn quan tâm gì với nhau. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng của anh Ng và chị T thiếu tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, từ đó có cơ sở chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Ng là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. [3] Về con chung: Giao cháu Trần Minh H cho chị T nuôi dưỡng, anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T khai không có, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 228, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Ng.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Trần Minh H, sinh ngày 31/5/2016 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, anh Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002957, ngày 14/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, nên chị T không phải nộp nữa.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Long